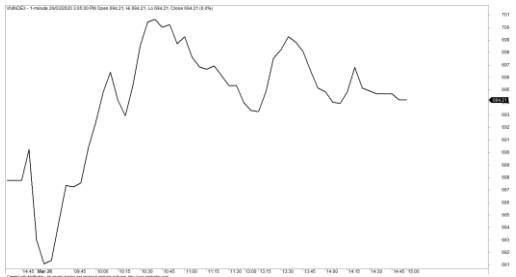


Diễn biến thị trường trong phiên			
Rating	VNI	HNI	UPCOM
Điểm	694.21	97.81	49.00
% ngày	0.57%	-2.28%	-1.07%
% tuần	-4.37%	-3.15%	-1.80%
% tháng	-22.52%	-8.25%	-11.46%
% năm	-28.42%	-8.46%	-14.13%
GTGD (Tỷ VND)			
Trong ngày	3,948	391	309
TB 1 tuần	4,300	531	262
TB 1 tháng	4,289	714	288
Khối ngoại (Tỷ VND)			
Mua	848.80	4.79	24.60
Bán	892.11	8.00	23.72
Giá trị ròng	-43.32	-3.21	0.88
Độ rộng TT			
Mã Tăng	98	52	152
Mã Giảm	221	104	111
Không Đổi	73	217	640
Chỉ số chính			
P/E	10.71	8.50	12.61
Vốn hóa TT (ngàn tỷ)	2,409	190	709
LS Cổ tức	3.51%	6.30%	5.38%

Nguồn: Bloomberg – YSVN

VNINDEX



HNIINDEX



DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

VN-Index duy trì quán tính tăng trong phiên hôm nay nhưng biên độ tăng hẹp dần. Chỉ số đóng cửa tăng 0.57% dừng tại 694.21 điểm. Chỉ số HNX-Index ngược lại giảm 2.27% đóng cửa tại 97.81 điểm trong khi Upcom-Index cũng đồng thuận giảm 1.06%. Giá trị giao dịch khớp lệnh sụt giảm 24% so với phiên liền trước đạt 3,130 tỷ đồng toàn thị trường.

VN-Index giữ được sắc xanh nhờ các trụ lớn giữ đà tăng gồm nhóm cổ phiếu Vingroup(VIC(+6.9%), VRE(+5.8%), VHM(+3.25)), SAB(+4.2%), VNM(+2.2%). BVH gây chú ý khi tăng kịch trần 3 phiên liền tiếp đóng cửa tại 39,500 đồng/cp với thanh khoản tăng đạt hơn 1,35 triệu cp. Ở chiều ngược lại, VN30-Index có 21 mã giảm trong đó MWG, MBB, FPT, VPB, HPG...giảm trên 3%.

Nhóm cổ phiếu đầu cơ cũng có diễn biến không thuận lợi khi nhiều mã giảm hết biên độ như HAI, AGR, HHS, AMD, LDG...

Khối ngoại duy trì nhịp bán ròng nhưng chỉ còn bán ròng 45.6 tỷ đồng toàn thị trường. MSN(95.9 tỷ), VHM(36.6 tỷ), VRE(25,4 tỷ) tiếp tục dẫn đầu danh sách bán ròng. Ở chiều ngược lại, VNM(106.6 tỷ), VIC(35.3 tỷ) dẫn đầu chiều mua ròng.

QUAN ĐIỂM THỊ TRƯỜNG NGẮN HẠN

Chúng tôi cho rằng nhịp hồi phục vẫn suy yếu và xảy ra hiện tượng xanh vỏ đồ lòng, chỉ số VN-Index có thể sẽ chưa thể vượt được vùng kháng cự 695 – 710 điểm. Đồng thời, thị trường vẫn đang trong giai đoạn biến động mạnh theo chiều hướng tiêu cực cho nên áp lực giảm vẫn còn rất lớn và các nhịp hồi phục chỉ mang tính chất hồi kỹ thuật ngắn hạn. Điểm tích cực chúng tôi đánh giá là tỷ trọng cổ phiếu có chiều hướng tăng nhẹ cho thấy lực cầu ngắn hạn đã cải thiện hơn.

Hệ thống chỉ báo xu hướng của chúng tôi vẫn duy trì mức GIẢM xu hướng ngắn hạn trên hai chỉ số với mức kháng cự ở mức 710.09 điểm của chỉ số VN-Index và 103.63 điểm của chỉ số HNX-Index. Do đó, chúng tôi khuyến nghị các nhà đầu tư ngắn hạn nên tiếp tục đứng ngoài thị trường và quan sát trong vài phiên tới cho đến khi xu hướng tăng được xác nhận rõ ràng. Đồng thời, các vị thế mua mới nên tiết chế hoặc chỉ nên giải ngân với tỷ trọng thấp theo mức khuyến nghị nhằm thăm dò xu hướng thị trường.

Tỷ trọng khuyến nghị ngắn hạn: 15% cổ phiếu/85% tiền.

(Bảng đánh giá xu hướng của các cổ phiếu theo dõi được cập nhật ở trang sau).

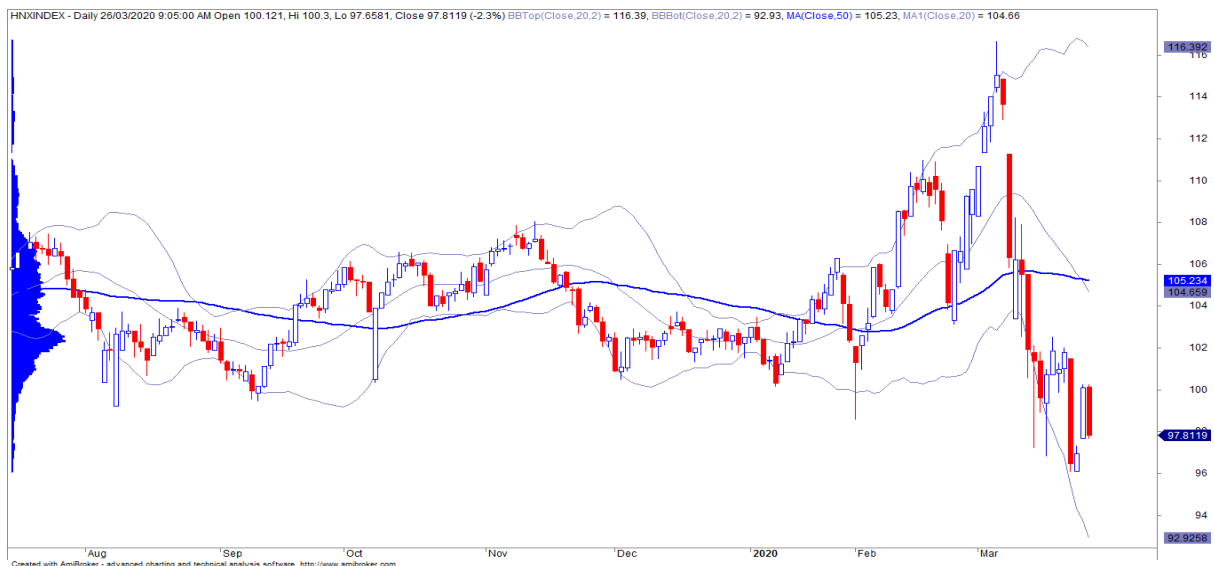


We Create **Fortune**

BIỂU ĐỒ PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Diễn biến thị trường của chỉ số VN-Index



Diễn biến thị trường của chỉ số HNX-Index

Chỉ số	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Mức kháng cự 1	Mức kháng cự 2	Mức hỗ trợ 1	Mức hỗ trợ 2
Chỉ số VN-Index	GIẢM	GIẢM	997	1,000	988	953
Chỉ số HNX-Index	GIẢM	GIẢM	106	108	99	90
Chỉ số VN30	GIẢM	GIẢM	895	935	877	863
Chỉ số VNMidcaps	GIẢM	GIẢM	992	1,030	969	963
Chỉ số VNSmallcaps	GIẢM	GIẢM	835	845	822	804



We Create Fortune

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG CÁC CỔ PHIẾU

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	10.35	GIẢM	GIẢM		11.14				12.73		
ACB	19.70	GIẢM	GIẢM		22.19				26.50		
ACV	44.30	GIẢM	GIẢM		51.33				65.25		
ANV	14.80	GIẢM	GIẢM		15.76				19.37		
ASM	4.23	GIẢM	GIẢM		4.95				6.26		
BFC	10.50	GIẢM	GIẢM		11.33			12.25	10.54	-13.95%	
BID	33.30	GIẢM	GIẢM		35.58				47.67		
BMP	35.30	GIẢM	GIẢM		36.50				43.43		
BSR	5.50	GIẢM	GIẢM		6.65				8.82		
BVH	39.50	TĂNG	GIẢM	39.50	38.38	0.00%	MUA		55.14		
BWE	17.50	GIẢM	GIẢM		19.15				22.26		
CEO	6.30	GIẢM	GIẢM		7.27				8.65		
CII	18.45	GIẢM	GIẢM		20.77				23.80		
CMG	23.20	GIẢM	GIẢM		24.25				32.14		
CMX	10.70	GIẢM	TĂNG		11.47			13.50	9.24	-20.74%	
CSM	14.20	GIẢM	TĂNG		14.58			12.25	13.53	15.92%	
CTD	51.80	GIẢM	GIẢM		58.06				75.25		
CTG	18.80	GIẢM	GIẢM		20.65				26.66		
CTR	29.80	GIẢM	GIẢM		33.80				48.84		
CVT	15.30	GIẢM	GIẢM		16.12				19.24		
DCM	5.67	TĂNG	GIẢM	5.60	5.51	1.25%			6.22		
DGC	21.00	GIẢM	GIẢM		22.73				25.53		
DGW	18.40	GIẢM	GIẢM		20.69				28.04		
DHA	29.35	GIẢM	GIẢM		30.40				32.52		
DHC	32.80	GIẢM	GIẢM		34.57			37.70	36.02	-4.45%	BÁN
DHG	82.50	TĂNG	GIẢM	82.50	82.09	0.00%	MUA		100.07		
DIG	11.00	GIẢM	GIẢM		11.60			12.55	11.62	-7.40%	BÁN
DPG	23.40	GIẢM	GIẢM		26.97				32.83		
DPM	11.55	TĂNG	GIẢM	12.05	10.76	-4.15%			12.75		
DPR	36.00	GIẢM	GIẢM		36.94				40.76		
DQC	15.10	GIẢM	GIẢM		16.23			16.00	15.57	-2.66%	MUA
DRC	16.60	GIẢM	GIẢM		18.39				23.03		
DXG	9.40	GIẢM	GIẢM		10.83				13.70		
EIB	15.40	GIẢM	GIẢM		17.16				18.35		

We Create Fortune

FCN	7.00	GIẢM	GIẢM		7.63				9.77		
FMC	17.90	GIẢM	GIẢM		19.32				23.60		
FPT	44.20	GIẢM	GIẢM		48.06				55.70		
GAS	58.70	GIẢM	GIẢM		61.69				77.30		
GEX	14.00	TĂNG	GIẢM	14.60	13.19	-4.11%			17.90		
GIL	16.70	TĂNG	GIẢM	17.20	14.97	-2.91%			20.56		
GMD	15.90	GIẢM	GIẢM		16.97				19.76		
GTN	14.50	GIẢM	GIẢM		14.89				18.55		
GVR	8.55	GIẢM	GIẢM		9.88				12.77		
HAG	2.68	GIẢM	GIẢM		2.94				3.78		
HAX	10.25	GIẢM	GIẢM		11.22				14.17		
HBC	7.02	GIẢM	GIẢM		8.01				11.24		
HCM	12.70	GIẢM	GIẢM		14.75				18.65		
HDB	19.60	GIẢM	GIẢM		21.72				28.21		
HDC	15.70	GIẢM	GIẢM		16.68				20.73		
HDG	17.30	GIẢM	GIẢM		19.85				26.92		
HNG	12.20	GIẢM	GIẢM		13.20				14.20		
HPG	16.95	GIẢM	GIẢM		18.74				22.95		
HSG	4.90	GIẢM	GIẢM		5.86				7.84		
HT1	10.90	GIẢM	GIẢM		12.08				14.50		
HUT	1.60	GIẢM	GIẢM		2.02				2.33		
HVN	19.35	GIẢM	GIẢM		20.26				26.23		
KBC	11.10	GIẢM	GIẢM		11.57				15.03		
KDH	19.35	GIẢM	GIẢM		20.74				24.47		
KSB	12.60	GIẢM	GIẢM		14.93				21.21		
LCG	4.32	GIẢM	GIẢM		4.84				7.11		
LDG	5.15	GIẢM	GIẢM		6.13				7.48		
LHG	11.95	GIẢM	GIẢM		12.51				14.83		
LPB	6.00	GIẢM	GIẢM		7.08		7.40	6.90	-6.77%	BÁN	
MBB	15.05	GIẢM	GIẢM		16.27				20.65		
MPC	19.00	GIẢM	TĂNG		20.47		24.10	17.84	-21.16%		
MSN	49.00	GIẢM	GIẢM		52.20				56.41		
MSR	14.60	TĂNG	GIẢM	15.00	14.16	-2.67%			16.05		
MWG	68.00	GIẢM	GIẢM		78.12				102.22		
NDN	13.50	GIẢM	GIẢM		14.93				16.36		
NKG	4.90	GIẢM	GIẢM		5.43				8.47		
NLG	20.50	GIẢM	GIẢM		20.64				26.38		
NT2	16.65	GIẢM	GIẢM		18.04				20.67		
NTL	16.50	TĂNG	GIẢM	17.50	15.04	-5.71%			20.57		

We Create Fortune

NVL	51.80	GIẢM	GIẢM		52.71				56.96		
OIL	6.40	GIẢM	GIẢM		6.70				7.69		
PAC	19.00	GIẢM	GIẢM		20.76				23.97		
PC1	11.10	GIẢM	GIẢM		12.22				15.86		
PDR	25.10	GIẢM	GIẢM		25.99			29.00	25.19	-13.13%	
PHR	37.65	GIẢM	GIẢM		41.77			47.20	38.94	-17.50%	
PLX	39.45	TĂNG	GIẢM	42.10	37.06	-6.29%			48.63		
PNJ	53.80	GIẢM	GIẢM		57.12				79.11		
POW	7.60	GIẢM	GIẢM		8.63				10.61		
PVT	8.01	GIẢM	GIẢM		8.53				12.55		
PPC	21.40	GIẢM	GIẢM		22.72				27.54		
PTB	36.20	GIẢM	GIẢM		39.31				60.93		
PVB	9.20	GIẢM	GIẢM		10.83				15.42		
PVD	8.15	GIẢM	GIẢM		9.33				12.51		
PVI	27.50	GIẢM	GIẢM		29.43				32.26		
PVS	10.20	GIẢM	GIẢM		12.04				15.66		
PXS	2.90	GIẢM	GIẢM		3.44				5.26		
QNS	22.60	TĂNG	GIẢM	22.60	22.26	0.00%	MUA		27.42		
REE	28.35	GIẢM	GIẢM		30.50				32.65		
SAB	125.00	GIẢM	GIẢM		133.25				175.86		
SAM	9.04	GIẢM	TĂNG		9.65			7.40	8.90	22.16%	
SCR	4.20	TĂNG	GIẢM	4.38	3.81	-4.11%			5.50		
SHI	8.27	GIẢM	GIẢM		8.47				9.47		
SJS	16.80	TĂNG	TĂNG	18.60	16.18	-9.68%		17.00	16.65	-1.18%	
SKG	8.00	GIẢM	GIẢM		9.14				11.60		
SSI	12.95	GIẢM	GIẢM		14.09				16.93		
STB	8.70	GIẢM	GIẢM		10.07				12.28		
TCB	16.10	GIẢM	GIẢM		17.99				22.22		
TCM	12.50	GIẢM	GIẢM		13.52				19.02		
TDH	6.43	GIẢM	GIẢM		6.98				9.47		
TLH	2.67	GIẢM	GIẢM		3.00				3.58		
TNG	9.10	GIẢM	GIẢM		10.80			15.50	13.32	-14.04%	BÁN
VCB	63.20	GIẢM	GIẢM		64.42				84.83		
VCG	24.50	GIẢM	GIẢM		25.24				26.09		
VCS	52.50	GIẢM	GIẢM		59.13				72.44		
VGC	14.10	GIẢM	GIẢM		14.80				18.67		
VGT	6.40	GIẢM	GIẢM		7.52				8.92		
VHC	23.00	GIẢM	GIẢM		24.61				34.08		
VHM	61.00	GIẢM	GIẢM		64.11				83.03		



We Create Fortune

VIB	13.80	GIẢM	GIẢM		15.06				18.56		
VIC	81.80	GIẢM	GIẢM		82.45				103.55		
VIP	4.01	GIẢM	GIẢM		4.45				5.24		
VJC	97.00	GIẢM	GIẢM		105.76				120.59		
VND	11.50	GIẢM	GIẢM		12.71				14.82		
VNG	12.50	GIẢM	GIẢM		12.82				16.90		
VNM	94.00	TĂNG	GIẢM	94.00	93.55	0.00%	MUA		110.64		
VPB	19.60	GIẢM	GIẢM		22.12				28.15		
VPI	41.05	GIẢM	TĂNG		41.91			41.30	40.58	-0.61%	
VRC	5.32	TĂNG	GIẢM	6.01	5.21	-11.48%			9.21		
VRE	20.00	GIẢM	GIẢM		20.43				29.49		
VSC	20.50	GIẢM	GIẢM		21.46				25.25		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU LARGE CAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
ACB	19.70	GIẢM	GIẢM		22.19				26.50		
BID	33.30	GIẢM	GIẢM		35.58				47.67		
BSR	5.50	GIẢM	GIẢM		6.65				8.82		
BVH	39.50	TĂNG	GIẢM	39.50	38.38	0.00%	MUA		55.14		
CTG	18.80	GIẢM	GIẢM		20.65				26.66		
FPT	44.20	GIẢM	GIẢM		48.06				55.70		
GAS	58.70	GIẢM	GIẢM		61.69				77.30		
GEX	14.00	TĂNG	GIẢM	14.60	13.19	-4.11%			17.90		
GVR	8.55	GIẢM	GIẢM		9.88				12.77		
HDB	19.60	GIẢM	GIẢM		21.72				28.21		
HNG	12.20	GIẢM	GIẢM		13.20				14.20		
HPG	16.95	GIẢM	GIẢM		18.74				22.95		
HVN	19.35	GIẢM	GIẢM		20.26				26.23		
KDH	19.35	GIẢM	GIẢM		20.74				24.47		
MBB	15.05	GIẢM	GIẢM		16.27				20.65		
MSN	49.00	GIẢM	GIẢM		52.20				56.41		
MWG	68.00	GIẢM	GIẢM		78.12				102.22		
NVL	51.80	GIẢM	GIẢM		52.71				56.96		
OIL	6.40	GIẢM	GIẢM		6.70				7.69		
PLX	39.45	TĂNG	GIẢM	42.10	37.06	-6.29%			48.63		
PNJ	53.80	GIẢM	GIẢM		57.12				79.11		

We Create Fortune

POW	7.60	GIẢM	GIẢM		8.63				10.61		
QNS	22.60	TĂNG	GIẢM	22.60	22.26	0.00%	MUA		27.42		
REE	28.35	GIẢM	GIẢM		30.50				32.65		
ROS	3.99	GIẢM	GIẢM		5.46				9.89		
SBT	12.70	GIẢM	GIẢM		13.97				20.63		
SSI	12.95	GIẢM	GIẢM		14.09				16.93		
STB	8.70	GIẢM	GIẢM		10.07				12.28		
TCB	16.10	GIẢM	GIẢM		17.99				22.22		
TPB	20.50	TĂNG	GIẢM	21.90	20.00	-6.39%			23.94		
VCB	63.20	GIẢM	GIẢM		64.42				84.83		
VCG	24.50	GIẢM	GIẢM		25.24				26.09		
VCS	52.50	GIẢM	GIẢM		59.13				72.44		
VEA	31.10	GIẢM	GIẢM		32.06				59.45		
VGI	20.40	GIẢM	GIẢM		23.33				29.05		
VHM	61.00	GIẢM	GIẢM		64.11				83.03		
VIB	13.80	GIẢM	GIẢM		15.06				18.56		
VIC	81.80	GIẢM	GIẢM		82.45				103.55		
VJC	97.00	GIẢM	GIẢM		105.76				120.59		
VNM	94.00	TĂNG	GIẢM	94.00	93.55	0.00%	MUA		110.64		
VPB	19.60	GIẢM	GIẢM		22.12				28.15		
VRE	20.00	GIẢM	GIẢM		20.43				29.49		

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU MIDCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAA	10.35	GIẢM	GIẢM		11.14				12.73		
ANV	14.80	GIẢM	GIẢM		15.76				19.37		
ASM	4.23	GIẢM	GIẢM		4.95				6.26		
BMI	14.85	GIẢM	GIẢM		16.79				23.13		
BMP	35.30	GIẢM	GIẢM		36.50				43.43		
BWE	17.50	GIẢM	GIẢM		19.15				22.26		
CEO	6.30	GIẢM	GIẢM		7.27				8.65		
CII	18.45	GIẢM	GIẢM		20.77				23.80		
CRE	15.75	GIẢM	GIẢM		16.90				22.37		
CTI	21.50	TĂNG	GIẢM	22.20	20.69	-3.15%			23.07		
CTR	29.80	GIẢM	GIẢM		33.80				48.84		
D2D	45.50	GIẢM	GIẢM		52.64				67.03		



We Create Fortune

DBD	48.00	TĂNG	GIẢM	48.80	44.29	-1.64%			52.90		
DCM	5.67	TĂNG	GIẢM	5.60	5.51	1.25%			6.22		
DGW	18.40	GIẢM	GIẢM		20.69				28.04		
DHC	32.80	GIẢM	GIẢM		34.57			37.70	36.02	-4.45%	BÁN
DIG	11.00	GIẢM	GIẢM		11.60			13.20	11.62	-11.96%	BÁN
DPG	23.40	GIẢM	GIẢM		26.97				32.83		
DPM	11.55	TĂNG	GIẢM	12.05	10.76	-4.15%			12.75		
DRC	16.60	GIẢM	GIẢM		18.39				23.03		
DXG	9.40	GIẢM	GIẢM		10.83				13.70		
E1VFN30	10.70	GIẢM	GIẢM		11.52				13.89		
FCN	7.00	GIẢM	GIẢM		7.63				9.77		
FLC	3.06	GIẢM	GIẢM		3.68				4.46		
GEG	20.00	GIẢM	GIẢM		20.66				24.79		
GMD	15.90	GIẢM	GIẢM		16.97				19.76		
GTN	14.50	GIẢM	GIẢM		14.89				18.55		
HAG	2.68	GIẢM	GIẢM		2.94				3.78		
HBC	7.02	GIẢM	GIẢM		8.01				11.24		
HCM	12.70	GIẢM	GIẢM		14.75				18.65		
HDC	15.70	GIẢM	GIẢM		16.68				20.73		
HDG	17.30	GIẢM	GIẢM		19.85				26.92		
HPX	31.50	TĂNG	#N/A	27.75	28.83	13.51%		35.30	#N/A	#N/A	
HSG	4.90	GIẢM	GIẢM		5.86				7.84		
HT1	10.90	GIẢM	GIẢM		12.08				14.50		
HTM	11.00	GIẢM	GIẢM		13.17				17.41		
IBC	21.60	TĂNG	TĂNG	20.80	20.61	3.85%			21.22		
IDI	3.40	GIẢM	GIẢM		3.88				4.74		
IJC	9.10	GIẢM	GIẢM		9.64				13.73		
ITA	1.97	GIẢM	GIẢM		2.18				2.48		
KBC	11.10	GIẢM	GIẢM		11.57				15.03		
KDC	16.00	GIẢM	GIẢM		16.73				19.02		
KOS	28.30	GIẢM	TĂNG		28.51			26.30	26.55	7.60%	
KSB	12.60	GIẢM	GIẢM		14.93				21.21		
LDG	5.15	GIẢM	GIẢM		6.13				7.48		
LPB	6.00	GIẢM	GIẢM		7.08			7.40	6.90	-6.77%	BÁN
MBG	6.00	GIẢM	GIẢM		9.98				24.80		
MBS	8.40	GIẢM	GIẢM		9.73				11.54		
MPC	19.00	GIẢM	TĂNG		20.47			24.10	17.84	-21.16%	
NBB	19.90	TĂNG	GIẢM	20.05	18.00	-0.75%			21.34		



We Create Fortune

NKG	4.90	GIẢM	GIẢM		5.43			8.47		
NLG	20.50	GIẢM	GIẢM		20.64			26.38		
NT2	16.65	GIẢM	GIẢM		18.04			20.67		
NTL	16.50	TĂNG	GIẢM	17.00	15.04	-2.94%		20.57		
NVB	8.40	GIẢM	GIẢM		9.08		8.50	8.62	1.36%	BÁN
OGC	2.69	GIẢM	GIẢM		3.04			3.57		
PC1	11.10	GIẢM	GIẢM		12.22			15.86		
PDR	25.10	GIẢM	GIẢM		25.99		23.59	25.19	6.76%	
PHR	37.65	GIẢM	GIẢM		41.77		47.20	38.94	-17.50%	
PPC	21.40	GIẢM	GIẢM		22.72			27.54		
PTB	36.20	GIẢM	GIẢM		39.31			60.93		
PVD	8.15	GIẢM	GIẢM		9.33			12.51		
PVI	27.50	GIẢM	GIẢM		29.43			32.26		
PVS	10.20	GIẢM	GIẢM		12.04			15.66		
PVT	8.01	GIẢM	GIẢM		8.53			12.55		
QCG	6.63	GIẢM	TĂNG		8.17		4.28	5.88	54.91%	
SCR	4.20	TĂNG	GIẢM	4.25	3.81	-1.18%		5.50		
SGP	5.00	GIẢM	GIẢM		5.67			7.06		
SHB	12.50	TĂNG	TĂNG	12.70	10.80	-1.57%	7.10	9.06	76.06%	
SHS	6.40	GIẢM	GIẢM		7.11			8.66		
SZC	14.00	GIẢM	GIẢM		15.38			18.92		
TCH	17.15	GIẢM	GIẢM		21.52			32.78		
TCM	12.50	GIẢM	GIẢM		13.52			19.02		
TDH	6.43	GIẢM	GIẢM		6.98			9.47		
TNG	9.10	GIẢM	GIẢM		10.80		15.50	13.32	-14.04%	BÁN
TTB	2.56	GIẢM	GIẢM		2.99			4.82		
VGC	14.10	GIẢM	GIẢM		14.80			18.67		
VGT	6.40	GIẢM	GIẢM		7.52			8.92		
VHC	23.00	GIẢM	GIẢM		24.61			34.08		
VND	11.50	GIẢM	GIẢM		12.71			14.82		
VNG	12.50	GIẢM	GIẢM		12.82			16.90		
VPI	41.05	GIẢM	TĂNG		41.91		41.30	40.58	-0.61%	

BẢNG THEO DÕI XU HƯỚNG NHÓM CỔ PHIẾU SMALLCAPS

CP	Giá	Xu hướng ngắn hạn	Xu hướng trung hạn	Giá mua ngắn hạn	Mức cắt lỗ ngắn hạn	%LN ngắn hạn tạm tính	Tín hiệu ngắn hạn	Giá mua trung hạn	Mức cắt lỗ trung hạn	%LN trung hạn tạm tính	Tín hiệu trung hạn
AAV	5.00	TĂNG	GIẢM	5.00	4.87	0.00%	MUA		7.06		
AGR	2.52	GIẢM	GIẢM		2.89				3.53		
AMD	3.39	GIẢM	TĂNG		4.22			3.06	2.79	10.78%	
APG	8.60	GIẢM	GIẢM		8.89				11.01		
ART	2.30	GIẢM	TĂNG		3.15			2.30	2.12	0.00%	
BCG	5.01	GIẢM	GIẢM		5.69				7.24		
C4G	4.00	GIẢM	GIẢM		4.85				6.05		
C69	5.00	GIẢM	GIẢM		5.62				9.36		
CCL	4.50	GIẢM	GIẢM		5.24				7.23		
CVT	15.30	GIẢM	GIẢM		16.12				19.24		
DAH	8.70	GIẢM	GIẢM		8.87				10.25		
DLG	1.65	TĂNG	GIẢM	1.93	1.64	-14.51%			2.21		
DRH	3.77	GIẢM	GIẢM		4.63			4.70	4.74	0.88%	BÁN
DTD	9.40	GIẢM	GIẢM		10.70				13.37		
EVG	2.36	GIẢM	GIẢM		2.53				2.73		
FIT	5.55	GIẢM	GIẢM		6.75				8.27		
FTM	1.51	GIẢM	GIẢM		1.76				2.76		
FUES SV50	9.55	GIẢM	GIẢM		10.08				11.94		
GKM	15.20	GIẢM	TĂNG		15.66			14.90	14.87	2.01%	
HAH	8.80	GIẢM	GIẢM		9.27				11.26		
HAI	3.19	GIẢM	TĂNG		4.12			3.34	2.40	-4.49%	
HAR	2.50	GIẢM	GIẢM		2.94				3.80		
HDA	6.90	GIẢM	GIẢM		7.14				8.65		
HHP	13.30	TĂNG	TĂNG	13.80	12.49	-3.62%		13.20	11.66	0.76%	
HHS	3.39	GIẢM	GIẢM		3.95				5.17		
HID	2.23	GIẢM	GIẢM		2.78			2.63	2.35	-10.73%	
HII	13.00	GIẢM	TĂNG		13.58			11.00	11.88	18.18%	
HQC	1.06	GIẢM	TĂNG		1.26			1.15	0.95	-7.83%	
HSL	4.14	GIẢM	GIẢM		4.99				6.47		
HUT	1.60	GIẢM	GIẢM		2.02				2.33		
HVG	4.60	GIẢM	GIẢM		5.72				7.68		
HVH	8.09	GIẢM	GIẢM		9.46				12.52		
IDJ	16.10	TĂNG	GIẢM	16.50	15.58	-2.42%			19.86		



We Create Fortune

JVC	2.48	GIẢM	GIẢM		3.02				3.79		
KLF	1.70	GIẢM	TĂNG	1.60	1.78	11.00%	BÁN	1.50	1.33	13.33%	
LCG	4.32	GIẢM	GIẢM		4.84				7.11		
LGL	4.60	GIẢM	GIẢM		5.26				6.59		
LHG	11.95	GIẢM	GIẢM		12.51				14.83		
LMH	1.32	GIẢM	GIẢM		1.65				3.52		
MST	4.00	GIẢM	GIẢM		4.61				6.97		
NDN	13.50	GIẢM	GIẢM		14.93				16.36		
PHC	9.80	GIẢM	GIẢM		10.41				11.33		
PLP	7.00	GIẢM	GIẢM		7.80				10.52		
PVB	9.20	GIẢM	GIẢM		10.83				15.42		
PVC	4.50	GIẢM	GIẢM		5.10				6.37		
PVX	0.80	GIẢM	GIẢM		0.98				1.22		
PXL	7.90	TĂNG	TĂNG	8.10	7.37	-2.47%		6.70	6.88	17.91%	
SHI	8.27	GIẢM	GIẢM		8.47				9.47		
SJF	1.25	GIẢM	GIẢM		1.45				1.87		
SPP	1.20	GIẢM	GIẢM		1.45				1.85		
TDC	6.70	GIẢM	GIẢM		7.37				8.44		
TIG	5.10	GIẢM	GIẢM		5.23			3.20	5.94	85.76%	BÁN
TLH	2.67	GIẢM	GIẢM		3.00				3.58		
TNA	14.40	GIẢM	GIẢM		16.16				21.27		
TNI	10.90	TĂNG	TĂNG	10.50	9.44	3.81%			10.85		
TSC	2.05	GIẢM	GIẢM		2.41				2.78		
TTF	2.15	GIẢM	GIẢM		2.52			2.85	2.40	-15.81%	
TTH	2.00	GIẢM	GIẢM		2.20				2.75		
TVC	28.20	GIẢM	TĂNG		29.80			14.30	26.65	97.20%	
VC3	15.80	TĂNG	GIẢM	15.80	15.76	0.00%	MUA		16.81		
VCR	8.20	GIẢM	TĂNG		10.11			12.90	7.61	-36.43%	
VNA	2.00	GIẢM	GIẢM		2.52				3.42		
VNE	3.32	GIẢM	GIẢM		3.60			3.85	3.41	-11.50%	BÁN
VRC	5.32	TĂNG	GIẢM	6.01	5.21	-11.48%			9.21		



We Create Fortune

Sàn GDCK TPHCM (HSX)

	Điểm	Chg%
VNI	694.21	0.57%
VN30	646.7	-0.86%
VN Mid	700.83	-1.93%
VN Small	611.06	-1.59%

Sàn GDCK Hà Nội (HSX)

	Điểm	Chg%
HNI	97.81	-2.28%
HN30	176.74	-2.52%
VNX AllSh	625.06	-0.37%

Sàn GDCK UPCoM (UPCoM)

	Điểm	Chg%
UPCoM	49	-1.07%

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	848.8	
Bán	892.11	
GT ròng	-43.32	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	4.79	
Bán	8.00	
GT ròng	-3.21	

GDKN	GTGD (tỷ VND)	
Mua	24.60	
Bán	23.72	
GT ròng	0.88	

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
YEG	3400	7.00%
VIC	5300	6.93%
ABS	1250	6.93%
BVH	2550	6.90%
SBT	800	6.72%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
PTI	1500	9.93%
VC3	100	0.64%
DL1	0	0.00%
VCG	0	0.00%
VIX	0	0.00%

Mã tăng lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
DSP	900	6.43%
QNS	500	2.26%
MVC	0	0.00%
SIP	0	0.00%
VEA	0	0.00%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
ROS	-300	-6.99%
AST	-3200	-6.96%
LDG	-380	-6.87%
AMD	-250	-6.87%
HHS	-250	-6.87%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
TNG	-700	-7.14%
IDJ	-1100	-6.40%
L14	-2900	-5.59%
CEO	-300	-4.55%
ACB	-800	-3.90%

Mã giảm lớn nhất*	Giá trị thay đổi (VND)	Chg%
LPB	-300	-4.76%
ACV	-1700	-3.70%
BSR	-200	-3.51%
VIB	-500	-3.50%
OIL	-200	-3.03%

*GTVH > 500 tỷ đồng, GTGD >1.5 tỷ đồng

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
VIC	258,756	
VCB	229,950	
VHM	194,410	
VNM	160,207	
BID	133,531	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACB	33,959	
SHB	22,293	
VCG	10,822	
VCS	8,720	
PVI	6,448	

GTVH cao nhất	Tỷ đồng	
ACV	100,120	
VEA	41,322	
MCH	40,465	
BCM	18,542	
BSR	17,732	

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
TCB	17,380,990	2,910,879
FLC	11,273,440	12,616,610
ROS	11,068,520	6,539,650
HPG	9,594,960	8,377,092
VPB	9,010,440	3,932,366

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
KLF	6,404,832	5,022,315
HUT	5,472,560	3,567,011
SHB	5,203,837	21,475,088
ART	3,976,573	3,839,331
ACB	3,631,529	6,389,377

KLGD nhiều nhất	Giá trị	TB 30 ngày
DSP	5,002,000	4,744
HIZ	2,688,400	4,562
LPB	2,564,185	3,842,762
EVF	2,023,223	78,433
BSR	1,567,984	3,294,047

Nguồn: Bloomberg & YSVN

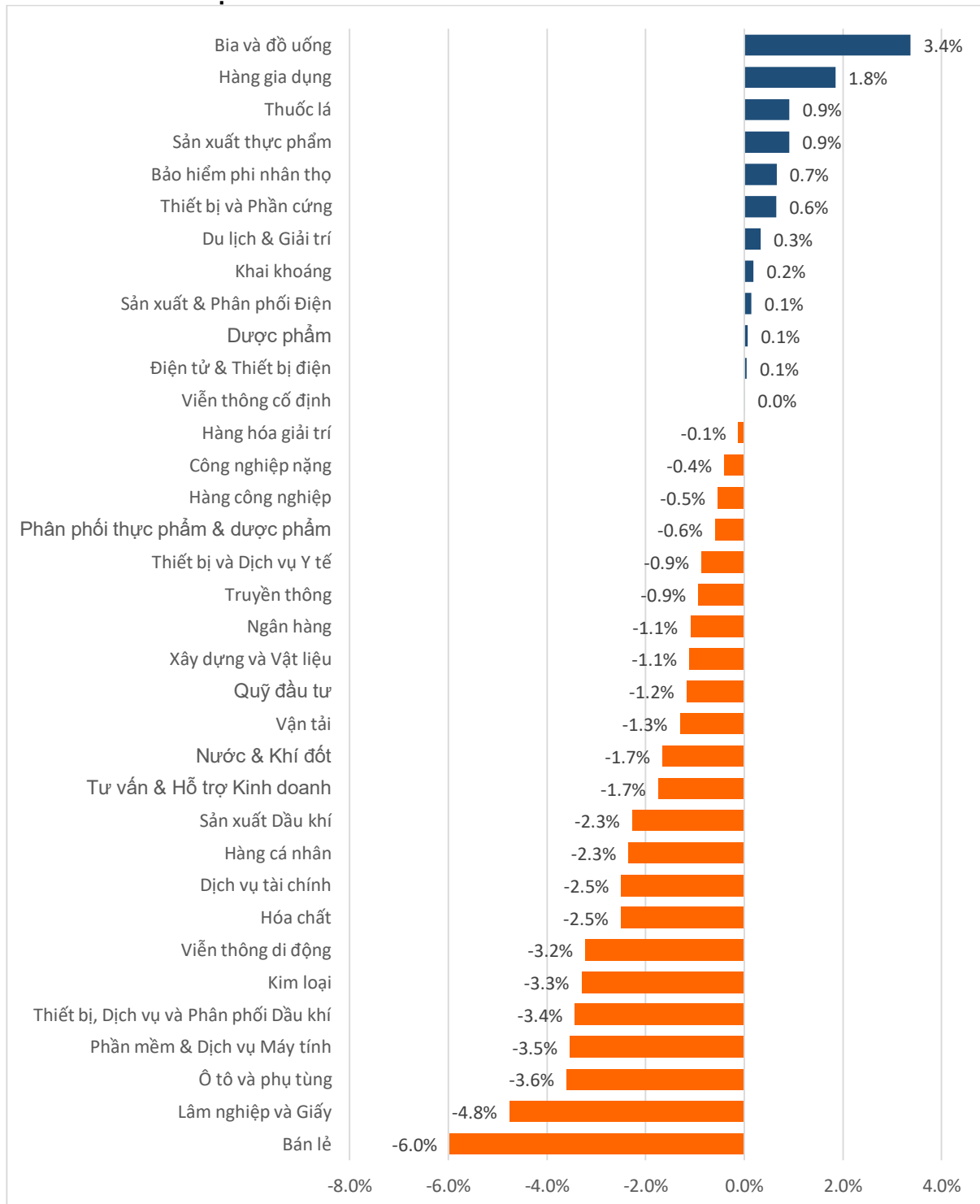
Nguồn: Bloomberg & YSVN

Nguồn: Bloomberg & YSVN



We Create **Fortune**

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH CÁC NHÓM NGÀNH



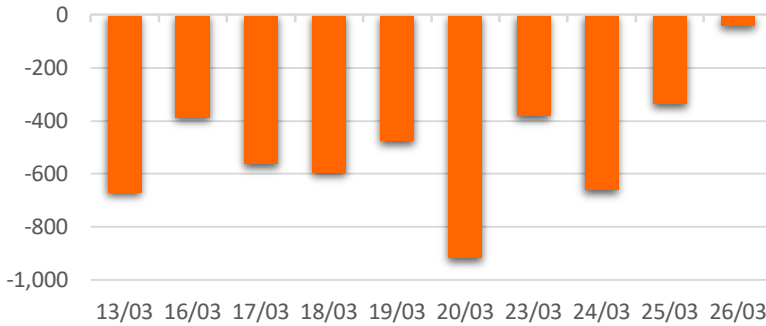
Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI

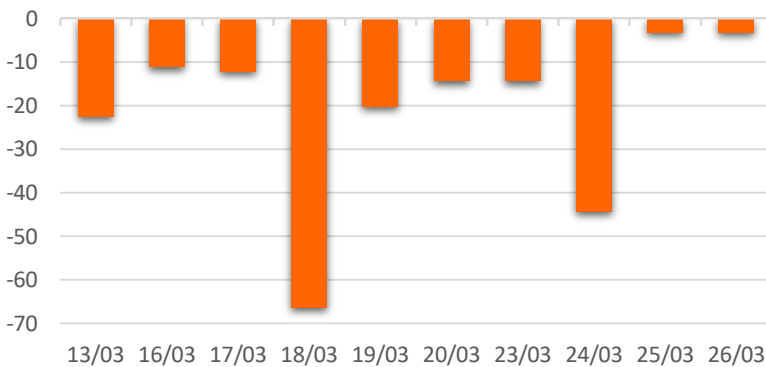
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HSX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VNM	106,621	MSN	95,925
VIC	35,334	VHM	36,650
VCB	8,471	VRE	25,460
SAB	7,541	HPG	13,510
BID	3,739	VJC	13,247

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HSX

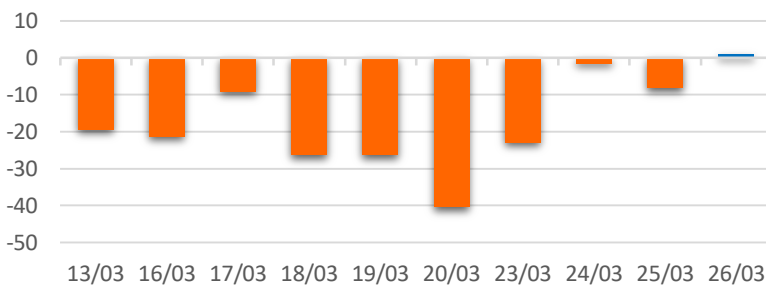
Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại HNX



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
TIG	735	PVS	3,196
KLF	558	SHB	784
SDT	159	DNM	659
MAS	132	SHS	271
ART	118	TNG	200

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn HNX

Diễn biến Mua/Bán ròng Khối ngoại
UPCOM



Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
VEA	5,228	LPB	5,615
KDF	207	ACV	4,135
BSR	100	QNS	1,421
CTR	79	TND	38
HND	71	ABI	9

TOP 5 Cổ phiếu khối ngoại Mua/Bán trên sàn UPCoM

Nguồn: FiinPro – YSVN



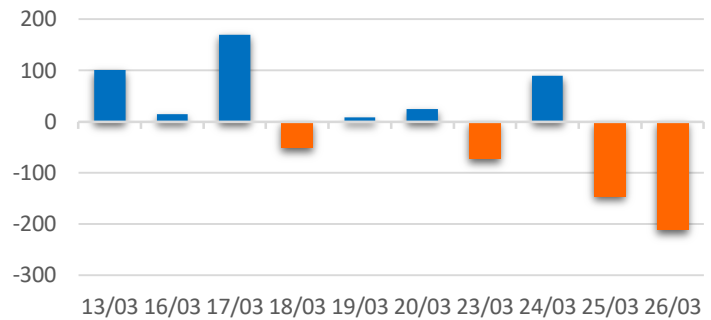
We Create **Fortune**

THỐNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

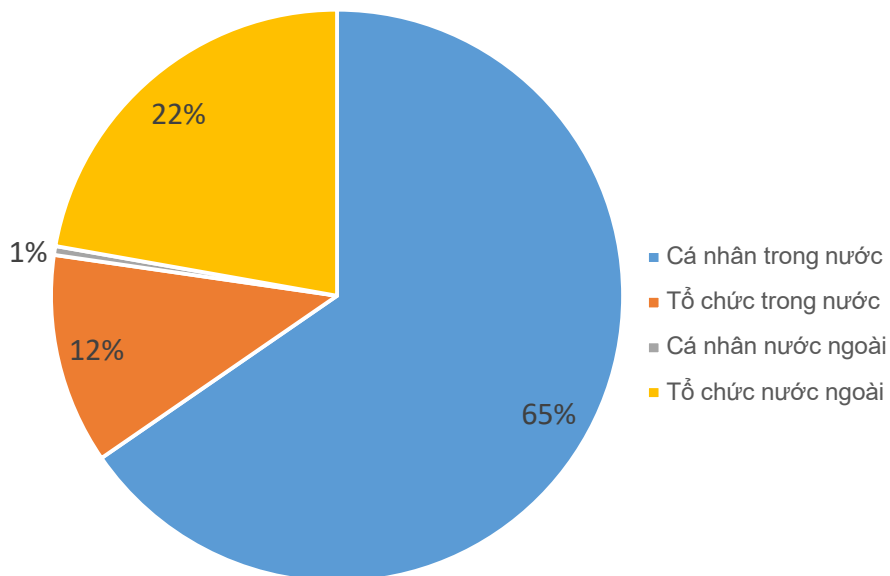
Mã CK	Giá trị mua ròng (tr. VND)	Mã CK	Giá trị Bán ròng (tr. VND)
E1VFN30	10,323	GEX	83,050
HPG	8,086	VHM	33,720
FPT	8,058	HPX	23,577
CTG	7,210	VIC	22,475
MWG	3,656	FPT	15,465

Top 5 các mã đạt GDTD lớn nhất

Giá trị giao dịch tự doanh mua/bán ròng (tỷ đồng)



CƠ CẤU THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM

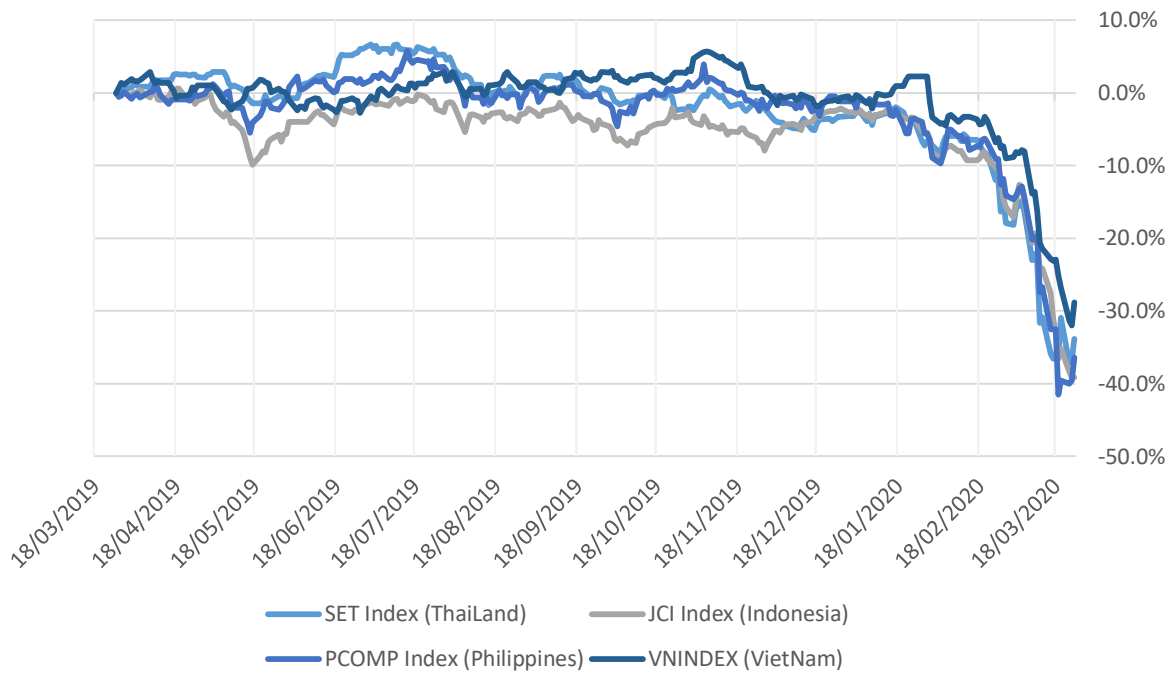


Nguồn: FiinPro – YSVN



We Create Fortune

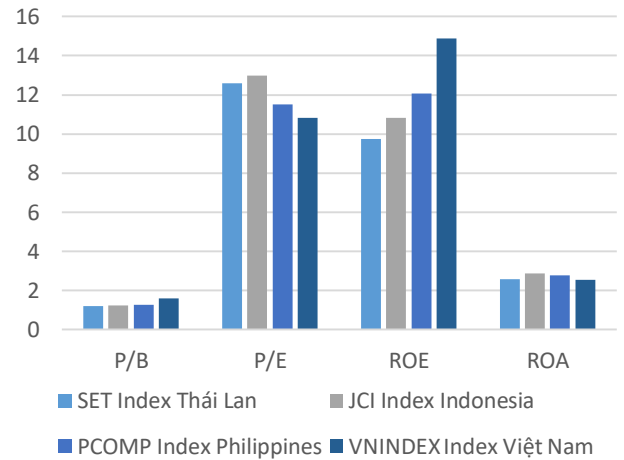
Diễn biến các thị trường trong khu vực



Dữ liệu thị trường các quốc gia trong khu vực

		Thái Lan	Indonesia	Philippines	Việt Nam
P/B		1.2x	1.2x	1.3x	1.6x
P/E		12.6x	13.0x	11.5x	10.8x
ROE	%	9.76	10.82	12.07	14.88
ROA	%	2.58	2.87	2.75	2.54
Vốn hóa	Tỷ USD	353.78	280.77	123.22	101.86
GTGD	Triệu USD	2.13	0.41	0.12	0.13
LS cổ tức	%	4.67	3.67	2.36	2.69

Nguồn: Bloomberg & YSVN





We Create **Fortune**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN YUANTA VIỆT NAM

Phòng phân tích khối khách hàng cá nhân

Nguyễn Thế Minh

Giám đốc Nghiên cứu Phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3826

minh.nguyen@yuanta.com.vn

Lý Thị Hiền

Trưởng phòng NC-PT

+84 28 3622 6868 ext 3908

hien.ly@yuanta.com.vn

Quách Đức Khánh

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3833

khankh.quach@yuanta.com.vn

Nguyễn Trịnh Ngọc Hồng

Chuyên viên phân tích

+84 28 3622 6868 ext 3832

hong.nguyen@yuanta.com.vn

Phạm Tấn Phát

Chuyên viên phân tích cao cấp

+84 28 3622 6868 ext 3880

phat.pham@yuanta.com.vn

Phòng Môi giới khách hàng cá nhân

Nguyễn Thanh Tùng

Giám đốc Môi giới Hội Sở

+84 28 3622 6868 ext 3609

tung.nguyen@yuanta.com.vn

Nguyễn Việt Quang

Giám đốc chi nhánh Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3404

quang.nguyen@yuanta.com.vn

Võ Thị Thu Thủy

Giám đốc chi nhánh Bình Dương

+84 28 3622 6868 ext 3505

thuy.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Mạnh Hoạt

Giám đốc chi nhánh Chợ Lớn

+84 28 3622 6868 ext 3847

hoat.nguyen@yuanta.com.vn

Bùi Quốc Phong

Giám đốc chi nhánh Đồng Nai

+84 28 3622 6868 ext 3701

phong.bui@yuanta.com.vn

Chung Kim Hoa

Giám đốc Khối khách hàng người Hoa

+84 28 3622 6868 ext 3828

hoa.chung@yuanta.com.vn

Đinh Thị Thu Cúc

Giám đốc chi nhánh Vũng Tàu

+84 28 3622 6868 ext 3203

cuc.dinh@yuanta.com.vn

Võ Đình Tuấn

Giám đốc chi nhánh Đà Nẵng

+84 28 3622 6868 ext 3301

tuan.vo@yuanta.com.vn

Nguyễn Đức Hoàn

Giám đốc trung tâm kinh doanh Nam Hà Nội

+84 28 3622 6868 ext 3409

hoan.nguyen@yuanta.com.vn



We Create Fortune

Appendix A: Important Disclosures

Analyst Certification

Each research analyst primarily responsible for the content of this research report, in whole or in part, certifies that with respect to each security or issuer that the analyst covered in this report: (1) all of the views expressed accurately reflect his or her personal views about those securities or issuers; and (2) no part of his or her compensation was, is, or will be, directly or indirectly, related to the specific recommendations or views expressed by that research analyst in the research report.

Ratings Definitions

BUY: We have a positive outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors add to their position.

HOLD-Outperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively more attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

HOLD-Underperform: In our view, the stock's fundamentals are relatively less attractive than peers at the current price. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile.

SELL: We have a negative outlook on the stock based on our expected absolute or relative return over the investment period. Our thesis is based on our analysis of the company's outlook, financial performance, catalysts, valuation and risk profile. We recommend investors reduce their position.

Under Review: We actively follow the company, although our estimates, rating and target price are under review.

Restricted: The rating and target price have been suspended temporarily to comply with applicable regulations and/or Yuanta policies.

Note: Yuanta research coverage with a Target Price is based on an investment period of 12 months. Greater China Discovery Series coverage does not have a formal 12 month Target Price and the recommendation is based on an investment period specified by the analyst in the report.

Global Disclaimer

© 2018 Yuanta. All rights reserved. The information in this report has been compiled from sources we believe to be reliable, but we do not hold ourselves responsible for its completeness or accuracy. It is not an offer to sell or solicitation of an offer to buy any securities. All opinions and estimates included in this report constitute our judgment as of this date and are subject to change without notice.

This report provides general information only. Neither the information nor any opinion expressed herein constitutes an offer or invitation to make an offer to buy or sell securities or other investments. This material is prepared for general circulation to clients and is not intended to provide tailored investment advice and does not take into account the individual financial situation and objectives of any specific person who may receive this report. Investors should seek financial advice regarding the appropriateness of investing in any securities, investments or investment strategies discussed or recommended in this report. The information contained in this report has been compiled from sources believed to be reliable but no representation or warranty, express or implied, is made as to its accuracy, completeness or correctness. This report is not (and should not be construed as) a solicitation to act as securities broker or dealer in any jurisdiction by any person or company that is not legally permitted to carry on such business in that jurisdiction.

Yuanta research is distributed in the United States only to Major U.S. Institutional Investors (as defined in Rule 15a-6 under the Securities Exchange Act of 1934, as amended and SEC staff interpretations thereof). All transactions by a US person in the securities mentioned in this report must be effected through a registered broker-dealer under Section 15 of the Securities Exchange Act of 1934, as amended. Yuanta research is distributed in Taiwan by Yuanta Securities Investment Consulting. Yuanta research is distributed in Hong Kong by Yuanta Securities (Hong Kong) Co. Limited, which is licensed in Hong Kong by the Securities and Futures Commission for regulated activities, including Type 4 regulated activity (advising on securities). In Hong Kong, this research report may not be redistributed, retransmitted or disclosed, in whole or in part or in any form or manner, without the express written